

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **341/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 05 - 09- 2024
V/v : “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phi Hồ

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 944/2024/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 04 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 389/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/08/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị S**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: **A, tổ A, khu phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (phòng T)**

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Hữu G**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Số B, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (phòng trọ nhà bà L).**

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng bà **Ngô Thị S** trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà và ông **Phạm Hữu G** tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại **UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** cấp giấy chứng

nhận kết hôn số 283 ngày 24/11/2011. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do chồng bà không tôn trọng bà, ông **Phạm Hữu G** làm nghề bốc xếp một tuần đi làm hai đến ba ngày và có mang tiền về phụ bà nuôi con. Ông **Phạm Hữu G** thường xuyên ra ngoài chơi bời đi nhậu rồi về nhà kiểm chuyện chửi bới xúc phạm tới bà và có lần ông **Phạm Hữu G** nhậu về còn lấy kéo đâm bà nhưng bà đã kịp thời chạy vào nhà người dân bên cạnh để trốn nên bà không bị thương tích gì, chỉ có cửa nhà hàng xóm bị ông **G** dùng kéo làm hư hỏng. **Công an phường L** có mời ông **G** lên làm việc và ông **G** hứa sửa đổi nhưng ông **G** không sửa đổi vẫn đi nhậu và về chửi mắng xúc phạm bà và còn nhiều lần hù dọa bà, ba mẹ chồng bà có khuyên nhưng ông **G** không nghe. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết nên bà xin Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Phạm Hữu G**.

- **Về con chung:** Có 02 con chung là cháu **Phạm Tú Q1**, sinh ngày 27/01/2011 và cháu **Phạm Tú Q**, sinh ngày 14/06/2016. Ly hôn bà **S** xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Tạm thời bà **S** không yêu cầu ông **Phạm Hữu G** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về Nợ chung:** Tôi cam kết vợ chồng tôi không có nợ chung.

- **Về án phí:** Tôi xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông **Phạm Hữu G** nhưng ông **Phạm Hữu G** không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Thị S** và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo, giấy triệu tập mời ông **Phạm Hữu G** đến Tòa án để lấy lời khai đối chất; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông **Phạm Hữu G** không đến Tòa án làm việc.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của bà **Ngô Thị S** và ông **Phạm Hữu G** không có hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai. Do mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Ngô Thị S**. Bà **Ngô Thị S** khai có 02 con chung là cháu **Phạm Tú Q1**, sinh ngày 27/01/2011 và cháu **Phạm Tú Q**, sinh ngày 14/06/2016. Ly hôn bà **S** xin được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con. Tạm thời bà **S** không yêu cầu ông **Phạm Hữu G** phải cấp dưỡng nuôi con. Các con bà **Ngô Thị S**, ông **Phạm Hữu G** gồm cháu **Phạm Tú Q1** và cháu **Phạm Tú Q** đều có nguyện vọng ở với mẹ là bà **Ngô Thị S**, ông **Phạm Hữu G** cũng không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu **Phạm Tú Q1**, sinh ngày 27/01/2011 và cháu **Phạm Tú Q**, sinh ngày 14/06/2016 cho bà **Ngô Thị S** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời ông **Phạm Hữu G** không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà **Ngô Thị S** khai tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông **Phạm Hữu G** cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà **Ngô Thị S** và ông **Phạm Hữu G** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Ông **Phạm Hữu G** hiện đang sinh sống tại **thành phố B** nên đơn xin ly hôn của bà **Ngô Thị S** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **Phạm Hữu G**: “*Thông báo thụ lý vụ án*”, “*Giấy triệu tập*”, “*Thông báo thu thập được chứng cứ*”, “*Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải*” nhưng ông **Phạm Hữu G** vẫn không đến Tòa án làm việc. Do ông **Phạm Hữu G** đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt ông **Phạm Hữu G** cũng đã được tiến hành tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, ông **Phạm Hữu G** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông **Phạm Hữu G** vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **Phạm Hữu G** theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà **Ngô Thị S** là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung tranh chấp: Bà **Ngô Thị S** yêu cầu ly hôn với ông **Phạm Hữu G**. Về con chung bà **Ngô Thị S** khai có 02 con chung là **Phạm Tú Q1**, sinh ngày 27/01/2011 và cháu **Phạm Tú Q**, sinh ngày 14/06/2016, ly hôn bà **S** xin nuôi cả 02 con và tạm thời không yêu cầu ông **Phạm Hữu G** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và bà **S** cam kết hai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các nội dung này đã được Tòa án ghi rõ trong các Thông báo mà ông **G** đã được niêm yết hợp lệ nhưng ông **Phạm Hữu G** không có ý kiến phản đối, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của bà **Ngô Thị S** và kết quả xác minh tại địa phương thì thấy ông **Phạm Hữu G** và bà **Ngô Thị S** cuộc sống chung không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Ông **Phạm Hữu G** và bà **Ngô Thị S** đã sống riêng. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, bà **Ngô Thị S** và ông **Phạm Hữu G** không ai còn quan tâm đến ai. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải cho ông **Phạm Hữu G** để tiến hành hòa giải nhưng ông **Phạm Hữu G** không đến, cho thấy ông **Phạm Hữu G** không có thiện chí đoàn tụ với bà **Ngô Thị S**. Do vậy yêu cầu của bà **Ngô Thị S** về việc xin ly hôn với ông **Phạm Hữu G** là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà **Ngô Thị S** có 02 con là cháu **Phạm Tú Q1**, sinh ngày 27/01/2011 và cháu **Phạm Tú Q**, sinh ngày 14/06/2016. Cả 02 cháu có nguyện vọng ở với mẹ và bà **Ngô Thị S** cũng xin được trực tiếp nuôi cả 02 con, ông **Phạm Hữu G** không có ý kiến nên Hội đồng xét xử giao cả 02 cháu **Nguyễn Phạm Tú Q1**, sinh ngày 27/01/2011 và cháu **Phạm Tú Q**, sinh ngày 14/06/2016 cho bà **Ngô Thị S** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do bà **Ngô Thị S** không yêu cầu nên ông **Phạm Hữu G** tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà **Ngô Thị S** khai tự thỏa thuận và ông **Phạm Hữu G** không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung của bà **Ngô Thị S** và ông **Phạm Hữu G** trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Bà **Ngô Thị S** khai không có nợ chung và ông **Phạm Hữu G** không có ý kiến nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Bà **Ngô Thị S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 119 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Ngô Thị S**. Bà **Ngô Thị S** được ly hôn với ông **Phạm Hữu G**.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là **Phạm Tú Q1**, sinh ngày 27/01/2011 và cháu **Phạm Tú Q**, sinh ngày 14/06/2016 cho bà **Ngô Thị S** được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông **Phạm Hữu G** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **Phạm Hữu G** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà **Ngô Thị S** khai tự thỏa thuận và ông **Phạm Hữu G** không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Bà **Ngô Thị S** khai không có và ông **Phạm Hữu G** không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết về nợ chung của bà **Ngô Thị S** và ông **Phạm Hữu G** trong vụ án này.

5. Về án phí: Bà **Ngô Thị S** phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà **Ngô Thị S** đã nộp theo biên lai thu số: 0003197 ngày 04/04/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà **Ngô Thị S** đã nộp đủ án phí.

Bà **Ngô Thị S** và ông **Phạm Hữu G** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, Vp;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn)

Lê Hồng Ngọc

5

